

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 22/2025/DS-ST

Ngày 23/6/2025

Về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Việt;
2. Ông Tăng Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiêu Thanh Nhi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H; địa chỉ: Số nhà A B, đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Sau đây gọi là Ngân hàng);

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lý Đức H, sinh năm 2000; là Chuyên viên Quan hệ khách hàng cá nhân, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H - Chi nhánh S, Phòng G; địa chỉ: Số nhà B Quốc lộ N, ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Quyết định ủy quyền số 3385/2024/QĐ-TGĐ ngày 22/8/2024 của Tổng Giám đốc H1 và Giấy ủy quyền số 204A/2024/UQ-PGDTĐ ngày 13/11/2024 của Giám đốc Phòng G).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Đức P, sinh năm 1988 và chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1989; cùng địa chỉ: Nhà không số, ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Hồng V và bà Trần Thị Kim Q, sinh năm 1960; cùng địa chỉ: Nhà không số, ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

*(Nguyên đơn và bà Trần Thị Kim Q có mặt,
bị đơn và ông Lê Hồng V vắng mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 17/4/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H cũng như người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là anh Lý Đức H trình bày:

Ngày 26/01/2022, anh Lê Đức P - chị Nguyễn Thị Y với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H - Chi nhánh S, Phòng G có xác lập với nhau Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0013/22PGDĐTĐ/HĐTĐ. Theo Hợp đồng và khế ước nhận nợ ngày 02/3/2023, Ngân hàng cho anh P và chị Y vay số tiền 100.000.000 đồng; mục đích vay để sản xuất nông nghiệp; thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất trong hạn 13,5%/năm.

Tiếp đến ngày 20/10/2022, anh Lê Đức P - chị Nguyễn Thị Y với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H - Chi nhánh S, Phòng G xác lập thêm Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0109/22PGDĐTĐ/HĐTĐ với các khế ước sau:

1. Khế ước nhận nợ ngày 31/10/2022, Ngân hàng cho anh P và chị Y vay 175.000.000 đồng; mục đích vay để sản xuất nông nghiệp; thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất 12%/năm và có thể điều chỉnh theo từng thời kỳ.

2. Khế ước nhận nợ ngày 03/11/2022, Ngân hàng cho anh P và chị Y vay 205.000.000 đồng; mục đích vay để sản xuất nông nghiệp; thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất 12%/năm và có thể điều chỉnh theo từng thời kỳ.

3. Khế ước nhận nợ ngày 12/12/2022, Ngân hàng cho anh P và chị Y vay 120.000.000 đồng; mục đích vay để sản xuất nông nghiệp; thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất 14%/năm và có thể điều chỉnh theo từng thời kỳ.

Ngoài ra, anh P và chị Y còn sử dụng thẻ tín dụng có hạn mức 68.000.000 đồng; mục đích để tiêu dùng; thời hạn cấp hạn mức là 36 tháng; lãi suất trong hạn 30%/năm, có điều chỉnh theo từng thời kỳ.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay theo các Hợp đồng nêu trên, anh P với Ngân hàng đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0017/20PGDĐTĐ/HĐBĐ ngày 24/02/2020 cùng các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 04/05/2020 và ngày 20/10/2022; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 655533 (Số vào sổ: H00908) thuộc thửa 482, tờ bản đồ số 06 tại ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; được Ủy ban nhân dân huyện L (Nay là Trần Đ) cấp ngày 01/10/2009 cho anh Lê Đức P.

Thực hiện các Hợp đồng vay, Ngân hàng đã giải ngân và bên vay cũng nhận đủ tiền vay nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 23/6/2025, anh P - chị Y còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 897.613.963 đồng (Tám trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm mười ba ngàn chín trăm sáu mươi ba đồng); trong đó, nợ gốc 641.376.673 đồng, lãi trong hạn là 57.288.746 đồng, lãi quá hạn và phí là 198.948.544 đồng. Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc anh P - chị Y thanh toán số nợ nêu trên; đồng thời, phải tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 24/6/2025 theo mỗi Hợp đồng đến khi hoàn thành trả nợ. Trường hợp anh P - chị Y không thực hiện, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thẩm quyền xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ theo pháp luật quy định.

Tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng giao nộp là: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định của Tổng Giám đốc Ngân hàng về việc ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng; bản sao Căn cước công dân của anh Bùi Công N, chị Tạ Thị K, anh Lê Đức P, chị Nguyễn Thị Y; bản sao các Hợp đồng tín dụng kèm Khế ước nhận nợ, Hợp đồng thế chấp và Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng thế chấp kèm Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Biên bản thỏa thuận giá trị tài sản; Quyết định bổ nhiệm, tái bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh; Giấy ủy quyền, Thông báo khởi kiện, Phiếu chiết tính thu nợ vay; Đơn yêu cầu không hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Đơn yêu cầu hỗ trợ gửi bản sao tài liệu, chứng cứ; Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Quyết định tái bổ nhiệm Giám đốc H1 và Giấy ủy quyền lại.- *Đối với phía bị đơn là anh Lê Đức P, chị Nguyễn Thị Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Hồng V:* Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo đã thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng anh P, chị Y và ông V đều không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn vắng mặt không có lý do trong những phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cũng như việc thu thập được tài liệu, chứng cứ cho anh P, chị Y và ông V, bà Q theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tại Thông báo này đã thể hiện rõ về tài liệu, chứng cứ, số tiền nợ đến ngày 12/5/2025.- *Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/11/2024 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Kim Q trình bày:* Diện tích đất thế chấp do anh Lê Đức P được cha mẹ của bà Q (Ông bà ngoại của anh P) tặng cho vào năm 2009. Sau khi được tặng cho, anh P chỉ để đất trống do chưa có điều kiện xây nhà ở và canh tác trên đất. Thực chất, đất này do vợ chồng ông V - bà Q quản lý, sử dụng từ xưa và bà Q là người chia đất cho các con theo phần. Bà Q cam kết,

trường hợp con bà Q không trả nợ và Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thì vợ chồng bà Q đồng ý hoàn toàn việc xử lý tài sản trên đất, không yêu cầu về bồi thường tài sản trên đất hoặc yêu cầu gì khác liên quan.

- *Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là:* Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; Văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân huyện T về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác định những nội dung liên quan khác. Đương sự không có ý kiến phản đối về tài liệu, chứng cứ do đương sự khác giao nộp và do Tòa án thu thập được.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề nêu quan điểm:*

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng là các bị đơn và ông V chưa chấp hành triệu tập của Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc anh P với chị Y thanh toán số tiền vốn và lãi theo các Hợp đồng vay đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp anh P, chị Y không thực hiện trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu anh P với chị Y thanh toán tiền vốn vay và lãi theo Hợp đồng; bị đơn vay tiền sử dụng để chăn nuôi nên đây là giao dịch về dân sự, thuộc trường hợp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh P, chị Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông V được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn và Kiểm sát viên yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt anh P, chị Y và ông V.

[2] Về nội dung giải quyết.

- Căn cứ bản sao Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng kèm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp; bản sao các Hợp đồng tín dụng, Đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ cũng như việc không phản đối của phía bị đơn về nội dung các hợp đồng; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; có cơ sở kết luận vào ngày 26/01/2022 và ngày 20/10/2022, anh P và chị Y đã giao kết Hợp đồng với H1 để vay 600.000.000 đồng cho mục đích chăn nuôi, sản xuất nông nghiệp; ngoài ra, anh P và chị Y còn sử dụng thẻ tín dụng có hạn mức 68.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng. Để bảo đảm nghĩa vụ trả tiền vay, anh P còn ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất do cá nhân anh P đứng tên với Ngân hàng theo thủ tục quy định chung.

- Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ thì quyền sử dụng đất được anh P thế chấp cho Ngân hàng, có đặc điểm và hiện trạng:

+ Hướng Đông: Giáp thửa 366 của anh Lê Đức K1 (Em ruột của anh P, con trai út của ông V - bà Q), ranh giới được xác định bằng hàng rào lưới thép gai theo hàng cột bê tông và được ghép vách tôn cũ.

+ Hướng T1: Giáp lộ Giồng Chát, ranh giới được xác định bằng tường rào xây gạch cao 60cm (Lững) theo hàng cột xây gạch, được liên kết bởi những chấn song bằng sắt hộp.

+ Hướng N1: Giáp thửa 483 của chị Lê Tú A (Chị ruột của anh P, con gái lớn của ông V - bà Q), ranh giới được xác định bằng mí nền bê tông tráng nền toàn thửa đất của anh P ngăn cách với nền đất thửa 483.

+ Hướng B: Giáp thửa 481 của anh Lê Đức K1 (Em ruột của anh P, con trai út của ông V - bà Q), ranh giới được xác định bằng đường thẳng phương T1 - Đông theo vách ngoài của gian chái liền kề căn nhà chính của vợ chồng bà Q đang sử dụng chung với vợ chồng anh K1.

Toàn bộ diện tích đất có tứ cận nêu trên thuộc thửa 482, tờ bản đồ số 06; tọa lạc tại ấp G, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và do anh Lê Đức P đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tài sản trên thửa đất 482 này đều thuộc quyền sở hữu của ông Lê Hồng V - bà Trần Thị Kim Q, bao gồm:

+ Đoạn hàng rào trước nhà ở hướng Tây, có chiều dài 9,8m với kết cấu tường xây gạch lững cao 60cm theo hàng trụ xây gạch được ốp gạch men, liên kết bằng những chấn song sắt hộp có đầu nhọn phía trên, gắn liền với 02 thanh sắt chạy dài tại đầu trên và dưới các chấn song.

+ Mái che trước nhà có kết cấu khung - cột - đòn tay đều bằng gỗ dầu, nền tráng xi măng cát, mái lợp tôn kẽm, không có vách và cửa.

+ Nhà tiền chế với kết cấu cột bằng bê tông đúc sẵn cao 6,5m kết hợp với cột bằng gỗ dầu, đòn tay bằng sắt hộp và bằng gỗ dầu, mái lợp tôn lạnh và tôn xi măng, nền đất và có một phần được cải tạo thành sân chơi bi sắt, không có vách và cửa ra vào.

+ Chuồng nuôi gà tại vị trí sau cùng ở hướng Đông được cất bằng cột xi măng, vách bằng lưới, mái lợp tôn và lá, nền tráng xi măng cát.

+ Cây trồng trên đất: Có 02 cây Dừa loại B đang có trái, 01 cây Mận loại C chưa có trái.

- Căn cứ Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã được thông báo kết quả cho phía bị đơn, thì: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phản đối các tài liệu, chứng cứ được công bố; không bổ sung tài liệu, chứng cứ và không yêu cầu triệu tập người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Xét các Hợp đồng tín dụng đang tranh chấp trong vụ án, thì thấy:

Theo Điều 5, Điều 61 Điều lệ của Ngân hàng, có nội dung quy định Phòng Giao dịch của Ngân hàng được cho vay và các hoạt động khác phù hợp với Điều 49 của Luật Các tổ chức tín dụng; về phía bị đơn là anh P và chị Y không thuộc trường hợp quy định tại các điều 22, 23 và 24 của Bộ luật dân sự; vì vậy, Giám đốc H1 ký kết các Hợp đồng trên với bị đơn là đảm bảo điều kiện chủ thể quy định tại Điều 16, Điều 19 và Điều 86 của Bộ luật dân sự. Các đương sự đều thừa nhận và/hoặc không phản đối sự kiện đã giao kết Hợp đồng, cũng không có ý kiến về việc bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép nên các Hợp đồng đã ký là hoàn toàn tự nguyện. Mục đích sử dụng tiền vay để chăn nuôi, sản xuất nông nghiệp là không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Khoản 16 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng. Ngoài ra, các Hợp đồng trên còn chứa đựng đầy đủ những điều khoản cơ bản về số tiền vay, lãi suất (Có điều chỉnh), thời hạn vay, phương thức trả nợ, phương thức tính lãi, biện pháp bảo đảm tiền vay cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 117, Khoản 5 Điều 466, Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng. Vì vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đang tồn tại quan hệ hợp đồng vay tài sản hợp pháp, bắt buộc các bên phải thi hành.

Tính đến ngày 23/6/2025, anh P với chị Y còn nợ Ngân hàng theo các Hợp đồng ngày 26/01/2022 và ngày 20/10/2022 số tiền vốn là 599.799.959 đồng và lãi trong hạn là 40.532.362 đồng, lãi quá hạn là 189.174.816 đồng; theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thì dư nợ gốc là 41.576.714 đồng và lãi trong hạn là 16.756.384 đồng, lãi quá hạn là 9.773.728 đồng. Tổng cộng, nợ vốn vay của các hợp đồng và tiền lãi là 897.613.963 đồng (tám trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm mười ba ngàn

chín trăm sáu mươi ba đồng). Như vậy, anh P và chị Y đã vi phạm Khoản 3 Điều 1 của các Hợp đồng tín dụng cùng hạn trả nợ tại Khế ước nhận nợ kèm theo và cam kết sử dụng thẻ tín dụng nên bị đơn đã hoàn toàn có lỗi, phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Anh P, chị Y không phản đối về toàn bộ số tiền còn nợ đến ngày 12/5/2025 đã được thông báo cũng như vi phạm nghĩa vụ thanh toán; nguyên đơn tính tiền lãi đúng Hợp đồng và không có vấn đề trở ngại khách quan nên anh P, chị Y phải thanh toán số tiền trên; đồng thời, phải trả tiền lãi phát sinh tương ứng theo các Hợp đồng từ ngày 24/6/2025 đến khi trả hết nợ vay và nghĩa vụ tương ứng khác.

Xét Hợp đồng thế chấp để bảo đảm trả nợ vay theo vụ án, thì thấy:

Tương tự như việc ký kết các Hợp đồng tín dụng, mỗi bên tham gia có đủ điều kiện về chủ thể, hoàn toàn tự nguyện, mục đích không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm, không có đương sự nào phản đối, khiếu nại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chủ sở hữu tài sản trên đất cũng không phản đối và/hoặc hoàn toàn đồng ý về xử lý tài sản để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng thế chấp có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.

Như vậy, trường hợp anh P và chị Y không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, là thực hiện đúng Hợp đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Cụ thể, anh Lê Đức P với chị Nguyễn Thị Y phải liên đới chịu tiền án phí là $36.000.000 \text{ đồng} + (97.613.963 \text{ đồng} \times 3\%) = 38.928.418 \text{ đồng}$ (Ba mươi tám triệu chín trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm mười tám đồng).

[4] Về chi phí tố tụng.

Theo Phiếu chi của Tòa án thì chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng, phía nguyên đơn đã nộp tạm ứng và thanh toán xong. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Lê Đức P và Nguyễn Thị Y phải liên đới chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ quy định tại Khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước nên anh P với chị Y có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại Ngân hàng số tiền 800.000 đồng (Tám trăm ngàn đồng), quy định tại Khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 157, Khoản 1 Điều 158, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 320, Điều 463, Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H đối với bị đơn Lê Đức P và Nguyễn Thị Y, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo các Hợp đồng tín dụng được ký ngày 26/01/2022 và ngày 20/10/2022 cùng với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H - Chi nhánh S, Phòng G với anh Lê Đức P và chị Nguyễn Thị Y. Buộc anh P với chị Y có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả Ngân hàng 897.613.963 đồng (tám trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm mười ba ngàn chín trăm sáu mươi ba đồng). Ngoài ra, anh P với chị Y tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh tương ứng theo mỗi Hợp đồng nêu trên kể từ ngày 24/6/2025 đến khi trả hết nợ vay. Khi Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất mà bên vay phải trả cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp anh P với chị Y không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp ngày 29/02/2020 và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo để thu hồi nợ. Anh P, chị Y, ông V, bà Q và người liên quan khác (Nếu có sau ngày 13/11/2024) có nghĩa vụ giao tài sản theo Hợp đồng thế chấp này để thi hành án theo quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lê Đức P, chị Nguyễn Thị Y phải liên đới chịu số tiền là 38.928.418 đồng (Ba mươi tám triệu chín trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm mười tám đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.785.831 đồng,

theo Biên lai thu số 0004193 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Lê Đức P và chị Nguyễn Thị Y có nghĩa vụ liên đới hoàn trả Ngân hàng 800.000 đồng (Tám trăm ngàn đồng).

4. Ngân hàng và bà Trần Thị Kim Q có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; riêng anh Lê Đức P, chị Nguyễn Thị Y, ông Lê Hồng V có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ; để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHƯƠNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CHU ĐỨC CHƯƠNG